

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1458/QĐHĐQT-CTY ngày 12/4/2019 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



Nguyễn Phúc Khoa

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty.....	1
CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	1
Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông	1
Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.....	2
Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp, kiểm tra thông tin.....	2
Điều 6. Cổ đông đăng ký làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc	3
Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng.....	4
CHƯƠNG III ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 9. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 10. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 11. Bầu, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 14. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 15. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	7
CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 16. Thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 17. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 20. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 21. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 22. Thủ lao và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 23. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	10
Điều 24. Người phụ trách quản trị công ty.....	11
CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 25. Kiểm soát viên	13
Điều 26. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	13
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	14



Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	14
Điều 29. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát	15
Điều 30. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên.....	15
Điều 31. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát	15
CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC	15
Điều 32. Tổng giám đốc	15
Điều 33. Cách thức bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	16
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	16
Điều 35. Công bố thông tin về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc....	16
Điều 36. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng giám đốc	16
CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	16
Điều 37. Việc mời tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc	16
Điều 38. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc	17
Điều 39. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin	17
Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc.....	18
CHƯƠNG VIII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	18
Điều 41. Đánh giá hoạt động	18
Điều 42. Khen thưởng, kỷ luật	19
CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	19
Điều 43. Điều khoản thi hành.....	19

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1489 /QĐHĐQT-VISSAN ngày 22/4./2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (sau đây gọi tắt là Công ty) đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Đồng thời, Quy chế là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cổ đông;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Kiểm soát viên;
- d) Ban điều hành gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- đ) Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị minh bạch, hiệu quả;
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
4. Đảm bảo vai trò quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành và kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, quyền, nghĩa vụ của cổ đông phát sinh kể từ thời điểm tên và những thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông sở hữu cổ phần cùng loại đều được đối xử công bằng.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp, kiểm tra thông tin

1. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình gửi yêu cầu bằng văn bản đến Tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Người phụ trách quản trị công ty biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Người phụ trách quản trị công ty. Trường hợp yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác về mình, cổ đông gửi kèm bản sao chứng thực các giấy tờ chứng minh thông tin.

2. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị công ty để được cung cấp tài liệu.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hằng năm; báo cáo của Ban kiểm soát; họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty theo trình tự sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị công ty cung cấp thông tin trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc từ chối cung cấp thông tin.

b) Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ

đồng, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; chữ ký cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; chữ ký cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo trình tự sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công ty biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ít hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông yêu cầu xem xét, trích lục và sao chụp một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 164 Luật Doanh nghiệp có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị công ty để được cung cấp tài liệu.

6. Công ty gửi tài liệu trích lục, sao chụp cho cổ đông trực tiếp bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email của cổ đông.

Điều 6. Cổ đông đăng ký làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hoặc thắc mắc liên quan đến quyền và lợi ích cổ đông được quy định tại Điều lệ hoặc theo quy định pháp luật phải đăng ký với Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp thông qua các kênh sau:

- a) Website chính thức của Công ty: <http://www.vissan.com.vn>
- b) Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- c) Thông cáo báo chí của Công ty;
- d) Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
- đ) Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ.

Điều 9. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21, 22 Điều lệ.

Điều 10. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải hoàn tất thực hiện việc đăng ký cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân (Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác);
- b) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp).

2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Mã dự họp (cấp

cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông), Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có), trong đó:

a) “Thẻ biểu quyết” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty;

b) “Phiếu biểu quyết” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty;

c) “Phiếu bầu cử” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu, có đóng dấu treo Công ty.

Điều 11. Bầu, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách biểu quyết của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước cuộc họp:

a) Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;

b) Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;

c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức bầu, biểu quyết:

a) Phương thức nộp “Phiếu biểu quyết”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại cuộc họp;

b) Phương thức nộp “Phiếu bầu cử”: cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

c) Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác, trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại cuộc họp.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a) Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

b) Về nội dung:

- Phiếu biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút mực chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu bầu cử:

+ Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

+ Đánh dấu “X” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng cử viên;

+ Số ứng cử viên bầu nhỏ hơn hoặc bằng số lượng ứng cử viên cần bầu;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng hơn tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

+ Phiếu nộp trước khi Ban Kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

a) Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp và kiểm tra số Thẻ/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức, điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 24, 25 Điều lệ.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc, trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể được thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản hoặc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử.

3. Trình tự, thủ tục xem xét ý kiến không tán thành về nội dung biên bản họp:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi văn bản nêu rõ ý kiến không tán thành về nội dung biên bản họp gửi cho Người phụ trách quản trị công ty, văn bản bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; căn cứ, lý do và vấn đề không tán thành; chữ ký cổ đông, nhóm cổ đông lập văn bản; tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

b) Trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được văn bản trên, Người phụ trách quản trị công ty thông báo và gửi kèm văn bản không tán thành nội dung biên bản họp cho Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị biết.

c) Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được thông tin, thông qua Người phụ trách quản trị công ty, Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho cổ đông, nhóm cổ đông đề nghị. Trường hợp điều chỉnh Biên bản họp, Biên bản họp điều chỉnh phải được gửi lại cho tất cả cổ đông hoặc công bố lại trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa cuộc họp và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 14. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước (*sau đây gọi tắt là UBCKNN*);
- c) Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán (*sau đây gọi tắt là Sở GDCK*);

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK.

Điều 15. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trường hợp yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ.

CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên; trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị, hai (02) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 28 Điều lệ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở của Công ty và thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 17 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. Thành viên Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Kiểm soát viên. Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 29 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều này, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý;
- đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- e) Các thông tin khác (nếu có).

4. Ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền thay thế Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

c) Thành viên đó bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;

d) Cổ đông là pháp nhân không cử người làm đại diện hoặc ủy quyền.

đ) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng, thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc không tham gia các hoạt động khác của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục;

b) Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

c) Thành viên đó vi phạm nhiều lần (từ 03 lần trở lên trong một nhiệm kỳ) hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ hoặc quy định pháp luật;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Hội đồng quản trị chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 20. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu (bầu mới, bầu lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; nhận được đơn xin từ chức của thành viên Hội đồng quản trị. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

Điều 22. Thù lao và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, quyền lợi khác theo quy định tại Điều 29 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định khác của Công ty.

Điều 23. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị để phụ trách về các công tác, nghiệp vụ chuyên môn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Thành viên của các tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử người lao động Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết. Các tiểu ban gồm:

1. Tiểu ban Thư ký:

a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Nhiệm vụ của Tiểu ban Thư ký:

- Tư vấn thủ tục các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định Công ty và quy định pháp luật;

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

+ Chọn địa điểm họp phù hợp, phòng họp đủ điều kiện chỗ ngồi, ánh sáng, âm thanh, thiết bị ghi âm, ghi hình;

+ Kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp;

+ Chuẩn bị tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Sổ đăng ký cổ đông.

- Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong quá trình họp Đại hội đồng cổ đông:

- + Lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- + Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Chuẩn bị các cuộc họp, lập biên bản cuộc họp, dự thảo nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Lưu trữ thông tin Công ty: Sổ đăng ký cổ đông, Sổ biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các tài liệu cần thiết khác;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Tiểu ban Tư vấn pháp lý:

- a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định.
- b) Tiểu ban Tư vấn pháp lý có nhiệm vụ:
 - Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh tế, dân sự và các văn bản pháp lý của Công ty;
 - Đảm bảo các điều kiện pháp lý cho hoạt động của Công ty: Dự thảo sửa đổi, bổ sung điều lệ, nội quy lao động, quy chế, quy định của Công ty;
 - Tư vấn Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện đúng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty;
 - Hỗ trợ pháp lý cho Tổng giám đốc khi có các tranh chấp về các hợp đồng;
 - Giúp Hội đồng quản trị tìm kiếm các chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

3. Tiểu ban Tư vấn công nghệ, nhân sự, thị trường:

- a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định.
- b) Tiểu ban tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ:
 - Xây dựng chiến lược phát triển, đầu tư, mua, bán công nghệ;
 - Xây dựng chiến lược phát triển thị trường;
 - Xây dựng chiến lược phát triển nhân lực.

4. Thành viên các tiểu ban thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị, có nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định Công ty và quy định pháp luật.

5. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các tiểu ban nêu trên hoặc các tiểu ban khác theo nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 24. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 36 Điều lệ.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông theo quy định Công ty và quy định pháp luật;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định Công ty và quy định pháp luật;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Công ty và quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau:

a) Người phụ trách quản trị công ty không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều này;

b) Người phụ trách quản trị công ty gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Người phụ trách quản trị công ty bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau:

a) Người phụ trách quản trị công ty không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty; nhận được đơn xin từ chức của Người phụ trách quản trị công ty. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Người phụ trách quản trị công ty mới (nếu có).

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo Điều 32 Điều lệ.

3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở của Công ty và thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên: thực hiện theo Điều 33 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 26. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban kiểm soát theo Khoản 2 Điều này, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang là Kiểm soát viên và/hoặc giữ các chức danh quản lý;
- đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- e) Các thông tin khác (nếu có).

4. Ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ sung Kiểm soát viên:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Kiểm soát viên;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông trở lên có quyền thay thế Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho Kiểm soát viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ hoặc bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;

b) Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

c) Thành viên đó bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;

d) Cổ đông pháp nhân không cử làm đại diện hoặc ủy quyền;

đ) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Trừ trường hợp bất khả kháng, thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục;

b) Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

c) Thành viên đó vi phạm nhiều lần (từ 03 lần trở lên trong một nhiệm kỳ) hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ hoặc quy định pháp luật;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Kiểm soát viên chấm dứt tư cách Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 29. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

Việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 30. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu (bầu mới, bầu lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên; nhận được đơn xin từ chức của Kiểm soát viên. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).

Điều 31. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao, quyền lợi khác theo quy định tại Điều 33 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và quy định khác của Công ty.

CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; trường hợp thuê người khác làm Tổng giám đốc thì phải ký hợp đồng lao động trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo Điều 35 Điều lệ.

3. Tổng giám đốc phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở của Công ty và thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc: thực hiện theo Điều 35 Điều lệ, quy định Công ty và quy định pháp luật.

Điều 33. Cách thức bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc vẫn có quyền biểu quyết với tư cách thành viên Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giám đốc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ hoặc bị pháp luật cấm làm Tổng giám đốc;
 - b) Tổng giám đốc gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c) Tổng giám đốc bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giám đốc không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ hoặc quy định pháp luật;
 - c) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Công bố thông tin về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc; nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của Tổng giám đốc mới (nếu có).

Điều 36. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc được hưởng tiền lương và quyền lợi khác theo thỏa thuận hợp đồng lao động, quy định Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Việc mời tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban điều hành, Kiểm soát viên tham dự.

2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát.

3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành tham dự.

4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, ý kiến khi được Chủ tọa phiên họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên họp dự thính) trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 38. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi các văn bản trên được ban hành và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 39. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và đơn vị trong Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 29 Điều lệ.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu: ngày lập văn bản yêu cầu; thông tin, tài liệu cần cung cấp; thời gian cung cấp; họ tên và chữ ký của Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên khác được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền.

4. Tổng giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và hàng năm);

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, hàng năm) và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Trước ngày 31/3 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

335
TY
IN
AM
HE
LN
CHI

d) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trao đổi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 41. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- a) Tự nhận xét, đánh giá;
- b) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c) Cách thức khác do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm, dựa theo nhiệm vụ quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng định kỳ hàng năm, dựa theo nhiệm vụ quy định tại Điều lệ, quy định Công ty, trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt

động sản xuất, kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trường Ban kiểm soát.

Điều 42. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng:

a) Thẩm quyền khen thưởng:

Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

b) Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;

- Bằng hiện vật.

c) Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý công ty.

2. Kỷ luật:

Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với người quản lý Công ty thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phúc Khoa

Nguyễn Phúc Khoa

Số: 1490/QĐHĐQT-VISSAN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 5274/QĐHĐQT-CTY ngày 30/11/2018 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Ban TGD;
- Phòng chuyên môn, đvị trực thuộc;
- Lưu: VT, TKHĐQT.



Nguyễn Phúc Khoa

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1490 /QĐHDQT-VISSAN, ngày 28/4/2021
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (sau đây gọi tắt là Công ty) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên, gồm một (01) Chủ tịch và hai (02) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

3. Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp khác (tối đa không quá năm (05) doanh nghiệp khác trường hợp Công ty là Công ty đại chúng);

4. Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm

nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ theo Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho Công ty biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng

viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Các trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số lượng thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên quy định tại Điều lệ. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý;
 - đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - e) Các thông tin khác (nếu có).
2. Việc công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin của Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và ngân sách hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá mua lại cổ phần; quyết định thời điểm, phương thức, giá bán cổ phần của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua giao dịch (hợp đồng) mua, vay, cho vay và giao dịch (hợp đồng) khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp giao dịch (hợp đồng) bán tài sản hoặc thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - i) Thông qua giao dịch (hợp đồng) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Công ty với người có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - m) Quyết định cơ cấu tổ chức (cấp phòng chuyên môn hoặc tương đương (phòng/ban, xưởng sản xuất), chi nhánh, văn phòng đại diện); quyết định thành lập, chấm dứt, tạm ngừng hoạt động công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông);

- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty;
- r) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- s) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch (hợp đồng) với bên liên quan;
- t) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
- u) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình. Phòng Hành chính Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các giao dịch (hợp đồng) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký giao dịch (hợp đồng) phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với giao dịch

(hợp đồng) đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận giao dịch (hợp đồng) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong giao dịch (hợp đồng) không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 15. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Ban kiểm soát.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 17 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tọa cuộc họp chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp như vậy được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Biểu quyết:

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về giao dịch (hợp đồng) mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích liên quan đến giao dịch (hợp đồng) hoặc lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một giao dịch (hợp đồng) được quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quy chế này được coi là có lợi ích trong giao dịch (hợp đồng) đó.

Thành viên Hội đồng quản trị đó vẫn được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

- c) Theo quy định tại Điểm b Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một giao dịch (hợp đồng) đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết giao dịch (hợp đồng) này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm giao dịch (hợp đồng) được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch (hợp đồng) liên quan.

15. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu

tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

17. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, thưởng và các lợi ích khác cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao, thưởng và các lợi ích khác được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác (chi phí hoạt động) mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình. Việc chi tiêu của Hội đồng quản trị phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

a) Phục vụ công việc quản lý, bao gồm:

- Chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị, bao gồm cả chi phí đi lại, ăn, ở trong thời gian họp;
- Chi phí tìm kiếm, phát triển thị trường: thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Chi phí tư vấn;
- Chi phí khác liên quan đến quá trình thực hiện công việc của thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ:

a) Kê khai cho Công ty về các lợi ích có liên quan của mình theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và thông báo cho Công ty tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các tổ chức hoặc cá nhân khác.

b) Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bằng văn bản trong các trường hợp sau:

- Giao dịch (hợp đồng) giữa Công ty với doanh nghiệp mà họ là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (hợp đồng).
- Giao dịch (hợp đồng) giữa Công ty với doanh nghiệp mà người có liên quan của họ là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
- Giao dịch (hợp đồng) giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với họ hoặc những người có liên quan của thành viên đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Đối với các giao dịch theo Khoản 4 Điều 38 Điều lệ công ty phải do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Ban điều hành (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng) thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định này.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh phù hợp, kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Phúc Khoa

Nguyễn Phúc Khoa



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN**

Số : 1487/QĐBKS-VISSAN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;*
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;*
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản;*
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 28/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
- Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 01/QĐBKS-CTY ngày 01/8/2016 của Ban kiểm soát.
- Điều 3.** Ban kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

- Nơi nhận:**
- Như Điều 3;
 - Ban TGD;
 - Các Phòng chuyên môn, đvị trực thuộc;
 - Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trương Việt Tiên

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1485/QĐBKS-VISSAN, ngày 28/04/2021
của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (sau đây gọi tắt là Công ty) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ cụ thể của từng Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ;
3. Không phải là người giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;
 - b) Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của Kiểm soát viên liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
 - c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

d) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 17 Điều lệ công ty hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo Khoản 3 Điều 31 Điều lệ công ty;

đ) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

e) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên;

h) Bảo đảm các Kiểm soát viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

i) Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của Kiểm soát viên;

k) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.

2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công ty biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- e) Các thông tin khác (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo Quy chế công bố thông tin của Công ty.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tình hình tài chính; giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát giao dịch (hợp đồng) với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về giao dịch (hợp đồng) cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;



5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ.

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

9. Sử dụng tư vấn độc lập, đơn vị chuyên môn của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

11. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

12. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

13. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

14. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người quản lý công ty;

15. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của người quản lý công ty về những vấn đề này;

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu: ngày lập văn bản yêu cầu; thông tin, tài liệu cần cung cấp; thời gian cung cấp; họ tên và chữ ký của Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên khác được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát tối thiểu là hai phần ba (2/3) số lượng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty tham dự họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên, người quản lý công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó Kiểm soát viên, người quản lý công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 17. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập (chi phí hoạt động) với mức hợp lý. Tổng mức tiền lương, thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên có nghĩa vụ:

a) Kê khai cho Công ty về các lợi ích có liên quan của mình theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và thông báo cho Công ty tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các tổ chức hoặc cá nhân khác.

b) Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bằng văn bản trong các trường hợp sau:

- Giao dịch (hợp đồng) giữa Công ty với doanh nghiệp mà họ là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (hợp đồng);

- Giao dịch (hợp đồng) giữa Công ty với doanh nghiệp mà người có liên quan của họ là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn;

- Giao dịch (hợp đồng) giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với họ hoặc những người có liên quan của thành viên đó.

2. Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Đối với các giao dịch quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty phải do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của Công ty.

4. Kiểm soát viên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng), là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát Công ty./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trương Việt Tiên

